

Bản án số: 92/2024/DS-ST
Ny: 08/8/2024
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Sơn.
2. Ông Trương Công Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong Ny 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2024/TLST-DS, Ny 10 tháng 7 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐXXST-DS, Ny 02/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

Trụ sở chính: Số 40-42-44, đường Phạm Hồng Thái, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M; chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang T; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch số 4 – Ngân hàng TMCP L.

Ông T ủy quyền lại cho ông Lê Thanh S, sinh năm: 1978 là cộng tác viên ngân hàng. Địa chỉ: Số 349 Quốc lộ 80, khu phố Ngã Ba, TT. K, huyện K – Kiên Giang. (Theo giấy ủy quyền Ny 25/4/2024)

- Bị đơn:

1. Ông **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1958.
2. Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Tổ 34, khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Ông S, ông N có mặt, bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng ông Lê Thanh S trình bày và yêu cầu như sau:

Ông Huỳnh Văn N và bà Trần Thị T có ký kết Hợp đồng tín dụng – kiêm hợp đồng cầm cố số A1383879 + A1383880/HĐTD-CC Ny 15/9/2022:

Số tiền vay là 30.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời gian vay 90 Ny; Ny giải ngân 15/9/2022 Ny đến hạn 15/12/2022; lãi suất 16%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

Hình thức thanh toán: gốc + lãi hàng Ny, mỗi Ny 346.451 đồng, Ny cuối 349.451 đồng.

Tài sản cầm cố bảo đảm khoản vay (Xe mô tô 02 bánh + tín chấp), nhãn hiệu SUZUKI, màu sơn đỏ đen, số khung: 4LC090103909, số máy: F4D2-103909, biển kiểm soát số 68K4-9245 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy 002994, do Công an huyện K cấp cho Huỳnh Văn N Ny 13/6/2010.

Kể từ Ny nhận tiền vay cho đến nay ông N, bà T chỉ thanh toán được số tiền gốc: 7.332.600đ, lãi trong hạn: 289.135đ, nhiều lần vi phạm hợp đồng, còn nợ ngân hàng đối với 02 hợp đồng tổng số tiền tạm tính đến Ny 25/4/2024 như sau: vốn gốc: 22.667.400đ, lãi trong hạn: 894.247đ, lãi quá hạn: 7.406.602đ. Tổng số tiền là 30.965.248đ.

Vì vậy ngân hàng khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết những vấn đề sau: Yêu cầu bà Trần Thị T và ông Huỳnh Văn N thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến Ny 25/4/2024 là 30.965.248 đồng, trong đó tiền gốc 22.664.400 đồng, tiền lãi trong hạn 894.247 đồng, tiền lãi quá hạn 7.406.602 đồng và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng và Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nếu ông N, bà T không thanh toán được nợ vay.

Tại phiên tòa, ngân hàng yêu cầu ông N, bà T thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến tính đến Ny xét xử 08/8/2024 là 33.289.261 đồng, trong đó tiền gốc 22.667.400 đồng, tiền lãi trong hạn 894.247 đồng, tiền lãi quá hạn 9.571.918 đồng, tiền lãi chậm trả 155.697 đồng và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nếu ông N, bà T không thanh toán được nợ vay.

- Ông Huỳnh Văn N trình bày:

Ông N thừa nhận có vay và nợ như ngân hàng khởi kiện là đúng. Tuy nhiên trong quá trình vay thì ông N có thể chấp tài sản là xe mô tô cho ngân hàng để vay tiền, vì vậy ông N đề nghị ngân hàng thu hồi xe máy nêu trên để trừ nợ, ông N không đồng ý trả tiền thêm. Trước đây vào tháng 01/2023, ông N đã báo với ngân hàng về việc không còn khả năng trả nợ nên đề nghị ngân hàng thu hồi xe trừ nợ nhưng ngân hàng không đồng ý để đến thời điểm này ngân hàng mới khởi kiện nên số tiền lãi suất phát sinh thêm là không thỏa đáng.

- Tại bản tự khai bà Trần Thị T trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông N, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Huỳnh Văn N và bà Trần Thị T có nơi cư trú tại Tổ 34, khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ kiện: Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận bởi lẽ, bị đơn đều thừa nhận có vay và còn nợ số tiền tiền như nguyên đơn khởi kiện là đúng. Tuy nhiên bị đơn cho rằng tài sản thế chấp là chiếc xe mô tô để bảo đảm toàn bộ khoản vay nên khi không trả được nợ thì ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp để trừ nợ, còn việc ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi mà không đồng ý nhận tài sản để trừ nợ là không đúng nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu của ngân hàng.

Xét thấy tại Hợp đồng tín dụng – kiêm hợp đồng cầm cố, kiêm khế ước nhận nợ cũng xác định rõ giá trị tài sản cầm cố chỉ làm cơ sở để xác định việc cho vay, không phải là trị giá tài sản khi ngân hàng xử lý để thu hồi nợ. Vì vậy lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở xem xét. Do bị đơn không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng là đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, ngân hàng có quyền chấm dứt hợp đồng tín dụng, buộc bị đơn phải trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông N, bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí. Trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 317, 318, 323, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Ný 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử:

- Buộc ông Huỳnh Văn N và bà Trần Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L tổng số tiền là 33.289.261 đồng, trong đó: Tiền gốc 22.667.400 đồng, tiền lãi trong hạn 894.247 đồng, tiền lãi quá hạn 9.571.918 đồng, tiền lãi chậm trả 155.697 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ Ný tiếp theo của Ný xét xử sơ thẩm cho đến khi thi

hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp ông Huỳnh Văn N và bà Trần Thị T không thanh toán nợ gốc, lãi theo quyết định của bản án này, thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản cầm cố thế chấp để thu hồi nợ là 01 xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu SUZUKI, màu sơn đỏ đen, số khung: 4LC090103909, số máy: F4D2-103909, biển kiểm soát số 68K4-9245 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy 002994, do Công an huyện K cấp cho Huỳnh Văn N Ny 13/6/2010.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp nếu còn thừa thì trả lại cho Huỳnh Văn N và bà Trần Thị T. Nếu tài sản phát mãi không đủ để trả nợ thì Huỳnh Văn N và bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí cho ông Huỳnh Văn N và bà Trần Thị T.
- Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 774.131 đồng theo lai thu số 0004034 Ny 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng, ông N có quyền kháng cáo trong hạn 15 Ny, kể từ Ny tuyên án. Bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 Ny, kể từ Ny nhận được bản án hoặc kể từ Ny bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeân Kieân Lông;
- Chi cục THADS huyeân Kieân Lông;
- Nhõõng ngõõi TGTT;
- Lõu tæp àn, hoà sõ;

**TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÕU SÕ
THAÂM
THAÂM PHAÙN – CHUÙ TOAÏ PHIEÂN
TOØA**